Chi tiết mã HS 8905.90.10

Mã HS	8905.90.10
Mô tả hàng hóa	Tàu đèn hiệu, tàu cứu hỏa, tàu hút nạo vét (tàu cuốc), cần cẩu nổi và tàu thuyền khác mà tính năng di động trên mặt nước chỉ nhằm bổ sung cho chức năng chính của các tàu thuyền này; ụ nổi sửa chữa tàu; dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc nửa nổi nửa chìm / - Loại khác: / - - Ụ nổi sửa chữa tàu
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 16:57:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/89059010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17867
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17867
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17867
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-CN)	0% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục E)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	3,4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17191
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17120
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17120
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17120
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17120
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17120
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17120
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17176
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17176
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17176
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17176

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17176
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17176
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17177
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17177
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17177
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17177
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17177
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17177
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17182
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17138
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17134
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17134
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17134
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17134
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17134
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17134
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17180
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17180
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17180
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17180
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17180
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17180
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17242
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17242
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17242
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17242

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17242
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17242
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17218
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17218
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17218
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17218
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17218
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17218
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17213
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17213
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17213
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17213
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17213
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17213
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D17243
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E17243
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F17243
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17243
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17243
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17243
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D17242
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E17242
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F17242
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17242
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17242
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17242

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17336
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17336
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17336
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17336
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17336
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17336
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17336
RCEP A	2022	2022	4,7	RCEPT-A!D17205
RCEP A	2023	2023	4,3	RCEPT-A!E17205
RCEP A	2024	2024	4	RCEPT-A!F17205
RCEP A	2025	2025	3,7	RCEPT-A!G17205
RCEP A	2026	2026	3,3	RCEPT-A!H17205
RCEP A	2027	2027	3	RCEPT-A!I17205
RCEP B	2022	2022	4,7	B!D17205
RCEP B	2023	2023	4,3	B!E17205
RCEP B	2024	2024	4	B!F17205
RCEP B	2025	2025	3,7	B!G17205
RCEP B	2026	2026	3,3	B!H17205
RCEP B	2027	2027	3	B!I17205
RCEP C	2022	2022	*	C!D17203
RCEP C	2023	2023	*	C!E17203
RCEP C	2024	2024	*	C!F17203
RCEP C	2025	2025	*	C!G17203
RCEP C	2026	2026	*	C!H17203
RCEP C	2027	2027	*	C!I17203
RCEP D	2022	2022	4,7	D!D17202

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	4,4	D!E17202
RCEP D	2024	2024	4,1	D!F17202
RCEP D	2025	2025	3,8	D!G17202
RCEP D	2026	2026	3,4	D!H17202
RCEP D	2027	2027	3,1	D!I17202
RCEP E	2022	2022	4,7	E!D17206
RCEP E	2023	2023	4,3	E!E17206
RCEP E	2024	2024	4	E!F17206
RCEP E	2025	2025	3,7	E!G17206
RCEP E	2026	2026	3,3	E!H17206
RCEP E	2027	2027	3	E!I17206
RCEP F	2022	2022	4,7	F!D17205
RCEP F	2023	2023	4,3	F!E17205
RCEP F	2024	2024	4	F!F17205
RCEP F	2025	2025	3,7	F!G17205
RCEP F	2026	2026	3,3	F!H17205
RCEP F	2027	2027	3	F!I17205
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16137
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16137
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16137
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16137

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8905.90 có 2 dòng thuế; dòng 8905.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Ụ nổi sửa chữa tàu.	8905.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8905.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8905.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17867), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.